









Tính thanh tịnh cho nên Yết Ma Kim Cương đã hộ trì để tinh trừ tất cả bụi dơ, lỗi lầm tai hoạn của nhóm: **Ta, Người, Chúng Sinh, Thọ Giả**

Đàn vương có bốn cửa thông đạt với bốn hướng có Giới Đạo vây chung quanh. Bên trong hiện **Ý Sinh Bát Diệp Đại Liên Hoa Vương** (hoa sen vua to lớn có 8 cánh do ý tưởng sinh ra) nảy sinh cuống sen, râu nhụy phát sáng nhiều màu đoan nghiêm màu nhiệm. Trong đó Đức Như Lai có Thân tốt tôn đặc biệt của tất cả Thế Gian vượt quá Địa của Thân Ngũ Ý đến nơi Địa của Tâm, mau chóng được Quả Thủ thắng đẹp ý.

Ở trên tám cánh sen có Bảo Tràng Như Lai, Khai Phu Hoa Vương Như Lai, Vô Lượng Thọ Như Lai, Cổ Âm Như Lai, Phổ Hiền, Diệu Cát Tường, Quán Âm, Từ Thị Tôn

Trong tất cả nhụy sen có Phật Bồ Tát Mẫu, sáu Ba La Mật Tam Muội, Quyền Thuộc tự trang nghiêm

Bên dưới an bày các Chúng Phần Nộ của hàng Trì Minh, Trì Kim Cương Bí Mật Chủ Bồ Tát dùng làm cuống sen ở trên cái biển lớn không cùng tận, tất cả hàng Địa Cư Thiên nhiều vô số lượng vây chung quanh.

Lúc đó, Hành Giả vì thành Tam Muội Gia cho nên tương ứng dùng Ý tưởng sinh ra Hương, hoa, đèn sáng, hương xoa, mọi loại thức ăn... tất cả đều dùng để dâng hiến.

**Ưu Đà Na** (Udana) là:

“Bậc Chân Ngôn chân thành

Tô vẽ Mạn Đồ La

Tự thân (thân của mình) làm Đại Ngã

Chữ La (𑖀 \_ RA) tinh các như

An trụ Du Già Tọa

Tìm nhớ các Như Lai

Đỉnh trao các Đệ Tử

Chữ A điểm Đại Không (𑖀 \_ AM)

Bậc Trí truyền Diệu Hoa

Khiến rải trên thân mình

Vì (Đệ Tử) nói Nội Sở Kiến (điều mà Thầy nhìn thấy trong Tâm)

Nơi Hành Nhân Tôn phụng

Đàn Trường tối thượng này

Ứng với Tam Muội Gia”

(Mạn Đồ La có ba lớp. Bên trong Kim Luân, thứ hai là ba vị trí ở chính giữa, Chữ **Ác** là lớp thứ ba. Màu vàng, trắng vàng tùy theo phương tiện ở tất cả nơi chốn)

Bấy giờ, Trì Kim Cương Thủ vượt lên Địa Thân Ngũ Ý của Đại Nhật Thế Tôn, quán sát sự bình đẳng của Pháp, nghĩ nhớ Chúng Sinh đời vị lai, vì cắt đứt tất cả nghi, nên nói **Đại Chân Ngôn Vương** là (trụ Pháp Giới Bình Đẳng Quán)

“**Nã mạc tam mãn đa bột đà nam. A tam mang bát-đa** (Vô tận) **đạt ma đà đồ** (Pháp Giới) **nghiệt đặng nghiệt đa nam** (Nghĩa siêu việt, Pháp Giới không cùng tận) **Tát phộc đà** (Tất cả) **ám khiêm** (Không, hư không) **ám ác** (Địa, đất) **tám sách hàm** (Phong Luân) **hạc lam** (Hỏa Luân) **lạc noan** (Thủy Luân) **phộc sa-phộc hạ** (Chân Ngôn của 3 Đạo) **Hồng, lam lạc** (đây là Thân Chân Ngôn) **ha-la hạc, sa-phộc hạ** (Đây là Ngữ Chân Ngôn) **Lam lạc** (đây là Ý Chân Ngôn) **sa-phộc hạ**”





**Phổ Hiền Mạn Đà La**

Trắng đầy, Kim Cương vây

Liên Hoa (Liên Hoa Hợp Chương) dựng hai Không (2 ngón cái)



**Quán Âm màu pha lê**

Cầu vòng, phương Kim Cương

Dựa trước co Hỏa Luân (ngón giữa) [như móc câu chung lưng]



**Văn Thù màu vàng nghệ (Uất Kim)**

Hư không đủ màu vây

Sen xanh mở Hỏa Luân (ngón giữa)



**Từ Thị màu vàng rực (hoàng kim)**

Hư Không dựng điểm xanh

Kim Cương Chương xoay chuyển (Tâm lòng bàn tay cùng dính nhau)













Đồ chúng nhiều như bụi nhỏ của cõi Phật  
Bên phải **Đại Danh Xưng**  
**Thánh Giả Đa La Tôn**  
Màu xanh trắng pha tạp  
Dạng người nữ trung niên  
Chấp tay cầm sen xanh  
Hào quang tròn chẳng đổi  
Phát sáng như vàng sạch  
Mím cười, áo trắng tinh  
Nội Phộc dựng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)



Bên trái, **Tỳ Câu Chi**  
Rũ tay cầm tràng hạt  
Ba mắt giữ búi tóc  
Tôn hình màu trắng tinh  
Màu hào quang không chủ  
Trắng vàng đỏ hòa nhập  
Án trước, giao Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) [giao 2 ngón trỏ]



Tiếp gần **Tỳ Câu Chi**  
**Vẽ Đắc Đại Thế Tôn**  
Quần áo màu Thương Khư  
Tay Hoa sen Đại Bi  
Tốt tươi chưa hé nở  
Hào quang tròn vây quanh  
**Minh Phi** trụ bên cạnh  
Hiệu **Trì Danh Xưng Giả**  
Tất cả diệu anh lạc  
Trang nghiêm thân màu vàng  
Cầm cành hoa tươi đẹp  
Tả (tay trái) cầm Bát Dận Ngô (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)  
Mặt Ấn như Minh Vương  
Nâng lên co Phong Luân (ngón trỏ)

Gần Thánh Giả Đa La  
Trú ở **Bạch Xứ Tôn**  
Mão tóc đều trắng đẹp





नमःसम्यक् बुद्धैर्नमः चं नमःतथा गच्छत्यं संनृतं पश्यत्येवमुक्त्वा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PAM\_ TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

“**Mã Đầu Minh Vương Chân Ngôn** là: [Hạ dã ngật-ly phộc (Hayagrīva) ăn nuốt hết vô minh, các chướng]

**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) ham (chủng tử) hồng (khủng bố) khur na dã (ăn nuốt các chướng) bạn nhạ (đánh phá) (2) tát-phả tra dã (phá vỡ khiến hết) (3) sa-phộc hạ”**

नमःसम्यक् बुद्धैर्नमः हं ह्रस्वदयं हं ह्रस्वदयं ह्रस्वदयं ह्रस्वदयं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HAM\_ HŪM\_ KHADAYA BHAMJA SPHAṬYA SVĀHĀ

**\_Chư Bồ Tát Sở Thuyết Chân Ngôn** là: (Minh trụ tại đây, tên là **Dã Thỏ Cật-Đa Mạo Địa Tát Đát-Phộc**)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam, cật-xoa noa đa la, diêm kiếm”**

नमःसम्यक् बुद्धैर्नमः क्खुर नो दा ला दिम किं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ KṢAḤ DATARA YAM KAM

**\_Địa Tạng Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Ha ha ha (Ba Nhân là: Nhân của Thang Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Phạm các Chân Ngôn tự nói Đức của Bản Tôn. Đây là tổng mọi Đức của Địa Tạng Bồ Tát) tổ đát nỏ (Diệu Sắc Thân. Vì tự thân cực tịnh nên gọi là Diệu Sắc Thân, tức Pháp Thân vậy) sa-phộc hạ”**

नमःसम्यक् बुद्धैर्नमः ह्रस्वदयं ह्रस्वदयं ह्रस्वदयं ह्रस्वदयं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HA HA HA SUTANU SVĀHĀ

**\_Chư Phụng Giáo Giả Chân Ngôn** là:[Tên gọi là **Chỉ Ca La (Kiraṇa)**]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Địa, thất-ly, ham, một-lam, sa-phộc hạ”**

नमःसम्यक् बुद्धैर्नमः (धृष्टिं हं वं

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DHI ŚRĪ HA BRAM

**\_Phật Tử! Hãy lắng nghe**

**Tiếp Đông, Viên thứ ba**

**Thí Nguyện Kim Cương Đàn**

Cùng quán khắp bốn phương

Ấn Kim Cương hộ vệ

Nên ở chính giữa làm

**Hỏa Sinh Mạn Đồ La**

Trong tim lại an trí

Hoa sen xanh diêu thiên

Trí Giả **Mạn Thù Âm** (Mañju-ghoṣa)

Bản Chân Ngôn vây bọc

Như Pháp bày Chủng Tử

Mà dùng làm Chủng Tử

Lại ở bốn phương bàng

Dùng sen xanh nghiêm sức

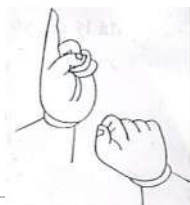
Vẽ làm Chúng **Cần Dũng**  
Trước an **Diệu Cát Tường** (Mañju-srī)  
Thân hình màu uất Kim (màu vàng nghệ)  
Đỉnh đội mào Ngũ Kế (5 búi tóc)  
Giống như hình **Đồng Tử**  
Tay trái cầm sen xanh  
Trên hiển **Ấn Kim Cương**  
Mặt hiền từ mỉm cười  
Ngồi trên hoa sen trắng  
Diệu tướng, hào quang tròn  
Ánh sáng trợ chung quanh  
Mà trụ **Phật Gia Trì**  
**Thần Lực Tam Muội Vương**  
Với vô lượng quyền thuộc

**Quán Tự Tại, Phổ Hiền**  
Đối diện Hộ đối Hộ  
**Nhạ Dã, Vĩ Nhạ Dã**  
**Đồng Mẫu Lỗ, Nhĩ Đa**  
**A Ba La Nhĩ Đa**

**Bắc** (phía **Bắc**) **Quang Vãng Bồ Tát**  
**Bảo Quan Bồ Tát**  
**Vô Cấu Quang Bồ Tát**  
**Nguyệt Quang Bồ Tát**  
**Ngũ Kế Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát**

Vành trắng cửa Nam  
**Ô Ba Kế Thất Nễ Bồ Tát**  
**Phụng Giáo Bồ Tát**  
Hai **Sứ Giả** của Văn Thù  
**Câu Triệu**, bốn **Phụng Giáo**  
Thanh Liên Hư Tâm Hợ  
Hỏa Luân (ngón giữa) giữ lưng Thủy (ngón vô danh)  
Hai Phong (2 ngón trỏ) vịn Không Giáp (móng ngón cái)

Hữu (bên phải) **Quang Vãng Bồ Tát**  
Cầm giữ mọi lưới báu  
Mọi loại **Diệu Anh Lạc**  
Trụ tòa hoa sen báu  
Mà quán **Phật Trưởng Tử** (con trưởng của Đức Phật)  
Định Quyền (Quyền trái) cầm Câu Ấn  
Bảo Luân (ngón cái) vịn giữa Hỏa (ngón giữa)





### **Bảo Quan** cầm Ấn báu

Hữu Liên (hoa sen bên phải) **Vô Cấu Quang**

Hoa sen xanh chưa nở

Duỗi Ấn trước hơi co (như ánh sáng của thân Phật)



### **Kế Thiết Nễ** cầm đao

Tuệ Quyền (quyền phải) dựng Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) [Không (ngón cái) đè móng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) như thế Nghĩ]

### **Ô Ba Kế Thiết Nễ**

Quyền trước, Hỏa Luân (ngón giữa) đâm [Không (ngón cái) đè móng Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)]



### **Địa Tuệ** giữ Tràng Ấn

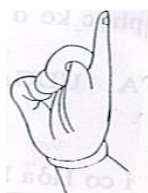
Định Quyền (quyền trái) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) [Không (ngón cái) đè Phong (ngón trỏ) Hỏa(ngón giữa)]



### **Chất Đa La Đồng Tử**

Hữu Quyền (quyền Phải) Phong Luân (ngón trỏ) Trượng (dựng như cây gậy)

**Triệu Thỉnh** Phong (ngón trỏ) làm câu (móc câu) [Ngoại Quyền]









Bình báu để Nhất Cô



**Thí Vô Úy Bồ Tát**

Nâng Tuệ (tay phải) Thí Vô Úy



**Trừ Nhất Thiết Ác Thú**

Tương Ấn trước chằng khác

**Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát**

Bi Thủ (tay trái) nên tại tim



**Đại Từ Sinh Bồ Tát**

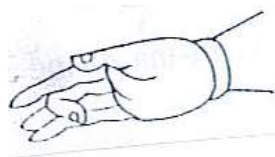
Tuệ Phong Không (ngón trở phải và ngón cái phải) cầm hoa (rải tán 3 lần)



**Bi Tuyên Nhuận** bên phải

Bi (tay trái) niệm ngay trên tim

Rũ co Hỏa Luân (ngón giữa) chỉ



**Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não**

Rũ tác tay Thí Nguyên



tất cả sinh. Sở Nguyện của Tôn Giả đã mãn. Chúng ta chưa được Nguyện thì ban cho Ta với tất cả chúng sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RASANĀM\_ ABHAYAMDADĀ\_ SVĀHĀ

**Trừ Nhất Thiết Ác Thú Bồ Tát Chân Ngôn** là (Phạn là:Tát Phộc Bá Dã Nha Ha: Sarvāpāyajahaḥ

“**Năng mạt tầm mãn đa một đà nam. Đạc-mộng sa nan, a tỳ-suru đạt la nê** (nâng lên) **tát đát-phộc đà đôn** (Chúng Sinh Giới. Tất cả chúng sinh từ vô thủy bị vô minh che lấp nên thường ở trong ba nẻo ác. Tôn Giả đã được năm Lực, nguyện nâng nhắc khiến cho trong lành bay lên, khiến cho tất cả chúng sinh được ra khỏi ba cõi) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DVĀSANĀM\_ ABHYUDDHARAṆI SATVA-DHĀTU\_ SVĀHĀ

**Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn** là (Bà Lý Đát-la Noa Xả Dã Ma Đê. Quyền trái an bên cạnh eo lưng, cũng gọi là Ai Mẫn Tuệ)

“**Năng mạt tầm mạn đa một đà nam. Vĩ sa ha nan** (chủng tử có bốn chữ) **hệ ma hạ ma hạ** (cái to lớn trong sự to lớn) **sa-ma la** (ghi nhớ) **bát-la để nhiên** (Bản Nguyện nguyện trừ tất cả khổ cho nên có tên là Cứu Hộ Tuệ. Nay hô tên ấy khiến nhớ Bản Nguyện mà cứu hộ tất cả) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VIHASANĀM\_ HE MAHĀ MAHĀ\_ SMARA PRATIÑĀM\_ SVĀHĀ

**Đại Từ Sinh Bồ Tát Chân Ngôn** là: (Ma Hạ Mỗi Thương Lý-Dã Tỳ-Dụ ột-nghiệt đa: Mahā-maitryābhyudgataḥ)

“**Năng mạt tầm mạn đa một đà nam. Xiể** (chủng tử) **sa-phộc chế đố** (Tâm Nghĩa) **ột-nghiệt đa** (Thượng sinh. Nói đây từ tâm của mình sinh ra, chẳng từ nơi khác sinh được cho nên gọi là Đại Từ, áyla từ tự tính thanh tịnh tâm sinh chẳng từ tâm của hát giống khác sinh nên gọi là Tự tâm sinh) **(2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ THAM\_ SVA-CITTA UDGATA\_ SVĀHĀ

**Bi Tuyền Nhuận Bồ Tát Chân Ngôn** là: [Ma Ha Ca Lỗ Noa Bát-La Nê Đa (Mahā-kāruṇa-mrditaḥ) cũng gọi là Đại Bi Tuyền Nhuận]

“**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Diệm** (chủng tử) **ca lỗ ninh** (Bi. Bồ Tát này hệ thuộc nơi Bi chẳng tự tại, thường vì Bi lồi kéo trừ tất cả Khổ) **một sái nê đa** (Nhớ. Bản Tôn nguyện cứu chúng sinh, nay nên nhớ Bản Nguyện cứu hộ chúng con) **Sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ YAM\_ KĀRUṆA-MREDITA\_ SVĀHĀ

**Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Bồ Tát Chân Ngôn** là (Tát Phộc Na Hạ Bát-La Xả Nhĩ Năng: Sarva dāha prasamina)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. Ai** (chúng tử) **hệ phộc la na** (Dữ nguyện. Dùng Pháp lìa Nhân mà mãn tất cả Nguyện của chúng sinh) **phộc la bát-la bát đa** (trước tiên được. Trước tiên chẳng được ước nguyện thì làm sao trao cho Nhân ? Bồ Tát đã lập Thệ Nguyện, nay đã mãn tức, nay nhớ Bản Nguyện mà cho tất cả chúng sinh trừ các nhiệt não, hóa tất cả chúng sinh khiến thành Phật Đạo) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ Ī \_ HE VARADA\_ VARA PRĀPTA\_ SVĀHĀ

**Bất Tư Nghị Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn** là (A Tiến Đế Dã Ma Đề Ná Nan Đa: Acintya matidatta)

“**Năng mặc tâm mạn đa một đà nam. Ô** (chúng tử) **tát phộc xả** (tất cả Nguyện) **bát lý bố la ca** (Mãn. Ấy là mãn mọi loại Thắng Nguyện của tất cả chúng sinh giống như ngọc Như Ý) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ Ū \_ SARVĀŚAPARIPŪRAKA\_ SVĀHĀ

**Phương Bắc: Địa Tạng Tôn**

Toà ngồi rất xảo nghiêm

Thân ở trong Thai lửa

Nhiều Báu trang nghiêm đất

Lụa, Đá trợ lẫn nhau

Bốn Báu làm hoa sen

Nơi Thánh Giả an trú

Kim Cương Bất Khả Hoại

Hành Cảnh Giới Tam Muội

Cùng với Đại Danh Xưng

Vô lượng các quyền thuộc

**Nhật Quang Bồ Tát**

**Kiên Cố Thâm Tâm Bồ Tát**

**Và Trì Địa Bồ Tát**

**Bảo Thủ Bồ Tát**

**Bảo Quang Bồ Tát**

**Bảo Ấn Thủ Bồ Tát**

**Bất Không Kiến Bồ Tát**

**Trừ Nhất Thiết Ưu Minh**

Bí Mật, trong kết Phộc (Nội Phộc)

Bung duỗi nơi Hòa Luân (ngón giữa)

Hai Không (2 ngón cái) giữ cạnh Phong (ngón trỏ)

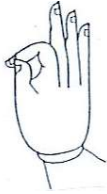




Hữu (bên phải) quán **Bảo Xứ Tôn**

Tuệ (tay phải) bung Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) , bấu

Án Tam Cổ trên bấu



**Bảo Chưởng** ở trên bấu

Án **Nhất Cổ Kim Cương**

Tuệ Quyển (quyển phải) duỗi Thủy Luân (ngón vô danh) [Không (ngón cái) đè ba ngón]



**Trì Địa Hữu** (bên phải) trên bấu

Hai tay **Kim Cương Án**



**Bảo Án Thủ** trên bấu

Án **Ngũ Cổ Kim Cương**



**Kiên Cổ Ý hữu** (bên phải) bấu

Án **Yết Ma Kim Cương**

Định Tuệ (2 tay) Liên Hoa Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Kèm Không (ngón cái) hơi nâng mở







An Hình như Giáo Pháp  
Tôn Mật đồng Từ Thị  
Không (ngón cái) giữ lỏng giữa Thủy (ngón vô danh)

Tiếp **Hư Không Vô Cầu**  
Hai tay: Tuệ Đạo An



**Hư Không Tuệ:** Pháp Luân



Liên Hoa Ân: hoa sen

**Thanh Tĩnh Tuệ:** Thương Khư



**Hành Tuệ:** Hoa sen nở

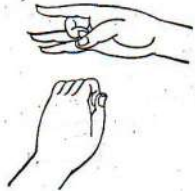


**An Trụ Tuệ Bồ Tát**  
Ấn Đa La hơi mở



Xuất Hiện Trí (Đoạn này, bản xưa bị thất lạc)  
Chấp Xứ Ngũ Cỗ Ấn

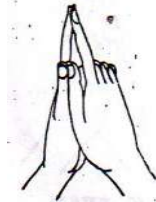
Ngũ Hữ (tay phải) Hỏa (ngón giữa) giữ Không (ngón cái)  
[ND: Đây là Đàn Ba La Mật Ấn]



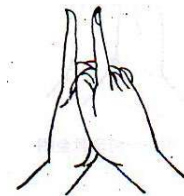
Nội Phộc, dựng hai Không (2 ngón cái)  
[ND: Đây là Giới Ba La Mật Ấn]



Ấn trước, Phong (ngón trỏ) như phượng  
[ND: Đây là Nhân Nhục Ba La Mật Ấn]



Tinh Tiến, Phong (ngón trỏ) duỗi bung  
[ND: Đây là Tinh Tiến Ba La Mật Ấn]



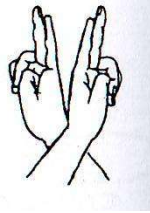
Thiên, ngũ Hữ (tay phải) an tả (tay trái)  
[ND: Đây là Thiên Ba La Mật Ấn]



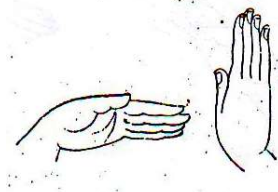
Bát Nhã tức Phạm Giáp  
[ND:Đây là Bát Nhã Ba La Mật Ẩn]



Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) thêm Không Luân (ngón cái)  
Dụng Hỏa (ngón giữa) hợp cạnh Phong (ngón trỏ)  
[ND:Đây là Phương Tiện Ba La Mật Ẩn]



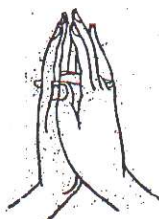
Dụng Hữu (Tay phải) Thí Vô Úy  
[ND:Đây là Nguyên Ba La Mật Ẩn]



Lục, mật đồng với Giới  
Luân Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) hợp nhau  
[ND:Đây là Lục Ba La Mật Ẩn]



Ngoại Phộc giao Địa Luân (ngón út)  
Phong (ngón trỏ) tròn, Hỏa Luân (ngón giữa) phương  
[ND:Đây là Trí Ba La Mật Ẩn]



**Hư Không Tạng Bồ Tát Trụ Thanh Tịnh Cảnh Giới** (hay biết Tâm của mình vốn có tính thanh tịnh, trống rỗng chứa mọi hình sắc, tùy hình lợi quần sinh) **Tam Muội Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Y, a ca xa** (hư không) **tam mạn đa** (Đẳng, nhóm . Tất cả nhóm Pháp ở hư không) **nỗ nghiệt đa** (Đắc, được.Trước đã nói là nghĩa: **Biết**, nghĩa là **Khởi**. Trong đây nói là: nghĩa **Được** cũng tương hội vậy) **vĩ chất đất-lam** (mọi loại tạp sắc) **phộc la** (nghĩa là y theo) **đạt la** (mặc, khoác. Khoác mọi loại áo như hư không mà không có màu sắc, hay hiện mọi loại hình. Bồ Tát này cũng vậy hay mãn mọi nguyện của chúng sinh, hiện mọi loại hình lợi ích cho Hữu Tình vậy) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ I \_ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀM VARA DHARA\_ SVĀHĀ

**Hư Không Vô Cấu Bồ Tát Chân Ngôn** là: [Tiếng Phạn:Nga Nga Năng Ma La (Gaganāmala)]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Hám** (chúng tử) **nga nga năng** (hư không) **a nan đa** (vô lượng) **ngộ giả la** (Hạnh. Vô lượng Hạnh đồng với hư không) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HAM\_ GAGANA ANANTA GOCARA\_ SVĀHĀ

**Hư Không Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn** là (Nga Nga Năng Ma Đé: Gagana-mati)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Lãng** (chúng tử) **chước cật-la** (Pháp Luân) **phộc lợi đế** (Chuyển, nói Thánh Giả trước tiên được Pháp Luân đó, nay vì tất cả Hữu Tình chuyển Pháp Luân này) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RIM\_ CAKRA-VARTTI\_ SVĀHĀ

**Liên Hoa Ấn Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam.Câu phộc lệ dã, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ KUVALAYA\_ SVĀHĀ

**Thanh Tĩnh Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn** là (Vĩ Thú Đà Ma Đé: Visuddha-mati)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Nghiệt đan** (chúng tử có hai chữ) **đạt ma** (Pháp) **tam bà phộc** (Sinh, nói Bồ Tát này được Pháp tự tại đồng với Cảnh Giới của Phật, từ Phật mà sinh cho nên có tên là Pháp Sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GATAM\_ DHARMA SAMBHAVA\_ SVĀHĀ

**Hành Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn** là: (Tiếng Phạn là: Tả Lý Đát La Ma Đé: Jaritvara-mati)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Địa lam** (chúng tử có hai chữ) **bát nạp-ma** (hoa sen) **a la dã** (Tạng. Tức là Tâm Bồ Đề từ Tạng ấy mà sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DHIRAM\_ PADMA ALAYA\_ SVĀHĀ

An Trụ Tuệ Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Hồng, nhường (Trí) nỗ nạp bà-phộc (Sinh) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HŪM \_ JÑĀNA UDBHAVA \_ SVĀHĀ

Xuất Hiện Trí Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Nhĩ (chủng tử) phộc nhật-la tất-thể la một đệ , bố la-phộc phộc đát-ma mấn đát-la sa la, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ JI \_ VAJRA STHIRA BUDDHE PŪRVARA ATMA MANTRA SARA \_ SVĀHĀ

Chấp Liên Hoa Xử (cầm chày hoa sen) Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Phộc nhật-la ca la, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VAJRA KĀRA \_ SVĀHĀ

Đàn Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Án, bà nga phộc để ná năng địa bả đế, vĩ sa-lật nhạ, bố la đã ná nan (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)OM\_ BHAGAVATE DĀNA-ADHIPATI VISRJA PŪRAYA DĀNAM\_ SVĀHĀ

Giới Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Án, thí la đà lý nê, bà nga phộc để, hồng, hác**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)OM\_ ŚĪLA DHĀRIṆĪ BHAGAVATE HŪM HAḤ

Nhẫn Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Án, bà nga phộc để, khát-sạn để đà lý nê, hồng phát tra**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)OM\_ BHAGAVATE KṢĀNTI DHĀRIṆĪ HŪM PHAṬ

Tinh Tiên Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:

“**Án, vĩ lý-dã ca lý hồng , vĩ lý-duệ, vĩ lý-duệ, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

.)OM\_ VĪRYA KĀRI HŪM\_ VĪRYE VĪRYE \_ SVĀHĀ

Thiền Ba La Mật Bồ Tát Chân Ngôn là:





Tam Giác dùng làm vây  
Tia sáng vòng quanh khắp  
Màu mặt trời sáng sớm  
Giữa đây, hoa sen hồng (Padma)  
Đỏ thắm giống hoả kiếp  
Lưu tán phát ánh lửa  
Trì dùng tiếng **chữ Hồng** (HŪM)  
Chữ chủng tử thẳng diệu  
Phật xưa nói điều đó  
Cần Dũng Mạn Đồ La  
Phần Nộ Kim Cương Chúng

Tiếp Đông, thứ nhất bày  
**Phát Sinh Kim Cương Bộ Bồ Tát**  
**Kim Cương Câu Bồ Tát**  
**Thủ Trì Kim Cương Bồ Tát**  
**Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát**  
**Kim Cương Phong Bồ Tát**  
**Kim Cương Quyền Bồ Tát**  
**Phần Nộ Nguyệt Yểm Bồ Tát**

Thứ hai **Hư Không Vô Cấu Trì Kim Cương Bồ Tát**  
**Kim Cương Lao Trì Bồ Tát**  
**Phần Nộ Trì Kim Cương Bồ Tát**  
**Hư Không Vô Biên Siêu Việt Bồ Tát**  
**Kim Cương Tỏa Bồ Tát**  
**Kim Cương Trì Bồ Tát**  
**Trụ Vô Hý Luận Bồ Tát**

Thứ ba, tiếp **Kim Cương Trì Luân Bồ Tát**  
**Kim Cương Nhuệ Bồ Tát**  
**Thích Duyệt Trì Kim Cương Bồ Tát**  
**Kim Cương Nha Bồ Tát**  
**Lý Hý Luận Bồ Tát**  
**Trì Diệu Kim Cương Bồ Tát**  
**Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát**  
**Sứ Giả Quân Trà Lợi**  
**Với Kim Cương Sứ Giả**  
**Kim Cương Quyền Thuộc Quyền**  
**Kim Cương Sứ Đồng Tử**  
**Kim Cương Vương Bồ Tát**

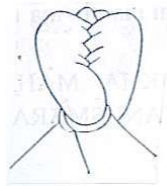
**Bộ Mẫu Mang Mãng Kê**  
Cũng cầm chày Kiên Tuệ (chày Tam Cổ)  
Dùng Anh Lạc nghiêm thân



Bỉ hữu (bên phải vị ấy) **Kim Cương Châm**  
Chúng Sứ Giả vây quanh  
Mím cười cùng chiêm ngưỡng  
Độc Cổ, Tuệ bên bên  
Nội Quyền duỗi Phong Luân (ngón trở)  
[Không (ngón cái) vào bên trong]



Tả (bên trái) đặt **Thương Khư La**  
**Chấp Trì Kim Cương Tỏa**  
Các **Sư Tự Bộ** câu (đến dự)  
Thân ấy màu vàng nhạt  
Chày Trí làm tiêu xí  
Bốn Luân (4 ngón lay) cài chéo lưng  
Xoay chuyển Tuệ (tay phải) thêm Định (tay trái)



Ở dưới **Chấp Kim Cương**  
**Phần Nộ Hàng Tam Thế**  
Bậc tồ phục Đại Chương  
Hiệu là **Nguyệt Yểm Tôn**  
Ba mắt, lộ bốn nanh  
Màu mây mưa mùa hạ  
Tiếng cười A Tra Tra  
Báu Kim Cương, Anh Lạc  
Nhiếp hộ các chúng sinh  
Vô lượng chúng vây quanh  
Cho đến trăm ngàn tay  
Cầm nắm mọi khí giới  
Nhóm Phần Nộ như vậy  
Đều trụ trong hoa sen  
Dựa Kim Cương Tỏa trước  
Mở hai Không (2 ngón cái) giữ Phong (ngón trở)



## Các Kim Cương Trì Địa

**Kim Cương Quyển Nội Phộc** ( Kèm dựng hai Không (2 ngón cái) hai chỗ gần nhau cùng dựng cao lên tựa như hình Tượng Chùy, hướng bên phải nhìn ngó như giận dữ đánh)



### **Phấn Nộ Quân Đồ Lợi**

Trong như pha lê biếc  
Uy quang như kiếp hỏa  
Hách dịch, bồi nhật luân (vàng mặt trời sau lưng)  
Cau mày, mặt cười giận  
Trên dưới lộ nanh cạo  
Ngàn mắt nhìn chẳng nháy  
Đầy uy diệu như nhật (mặt trời)  
Ngàn tay đều cầm giữ  
Các khí tượng Kim Cương  
Đầu mào , báu Kim Cương  
Rồng đeo, quần da cạo  
Ở ngay trong vàng trắng  
Ngồi bàn đá Sắt Sắt (phát ra tiếng gió vi vu)

### **Phấn Tấn Câu Ma La**

Trụ ở hoa sen xanh  
Thân làm màu mây vàng  
Tóc màu đỏ rối loạn  
Anh Lạc, vòng nghiêm thân  
Quần da cạo che háng  
Tuệ (tay phải) chà, Định (tay trái) Vô Úy  
Vừa trì Chân Ngôn Cú  
Miệng tuôn ra Hóa Phật

### **Tiếp Ô Sô Sa Ma (Ucchuşma)**

Làm hình rất giận dữ  
Màu đen khởi ánh lửa  
Hữu (tay phải) Kiếm, dưới: sợi dây  
Bồng với Tam Cổ Xoa  
Khí tượng đều rực lửa

### **Nhóm Kim Cương Phụng Giáo**

Thượng Thủ nhóm như vậy  
Nhiều như mười cõi Phật  
Chúng Trì Kim Cương câu (đến dự)



ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ HŪM BANDHA BANDHAYA\_ MOṬA MOṬAYA\_ VAJRA UDBHAVE \_ SARVATRA APRATIHATE \_ SVĀHĀ

**\_Giáng Tam Thê Kim Cương Chân Ngôn** là: (cũng nói là **Phần Nộ Nguyệt Yêm**. Kim Cương này tại hào tướng của Phật mà sinh ra. Cũng nói là Hào Tướng sáng trong giống như trăng đầy)

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Hột lâm** (Nhiếp triệu, thỉnh triệu, lia nhân không dơ bản. Bên cạnh có điểm rất phần nộ vậy) **hông** (dựa theo lúc trước) **phán tra** (quát tháo tất cả Ma Chướng) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ HRĪM HŪM PHAṬ\_ SVĀHĀ

**\_Nhất Thiết Trì Kim Cương Chân Ngôn** là: (Ấy là số Kim Cương nhiều như bụi nhỏ của cõi Phật đồng nhập vào Vô Thắng Định. Trong Tâm xuất ra ánh sáng, trong ánh sáng hiển Chân Ngôn này)

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Hồng** (chủng tử) **hông hông, phán tra, phán tra** (Ha là chướng, lập lại Ha là hai chướng) **nhiêm nhiêm** (sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ HŪM HŪM HŪM PHAṬ PHAṬ\_ JAM JAM SVĀHĀ

**\_Kim Cương Quyền Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Sa-bô tra dã** (đánh tan, dùng chày Kim Cương Tuệ đâm ba Độc khiến chia tan, phá hoại) **phộc nhật-la tam bà phệ** (Sinh, từ Kim Cương sinh) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ SPHAṬAYA VAJRA SAMBHAVE\_ SVĀHĀ

**\_Nhất Thiết Phụng Giáo Kim Cương Chân Ngôn** là: (tất cả Kim Cương, Bồ Tát, Như Lai. Ba Bộ thông đồng với Sứ Giả này. Ấy là Chân Ngôn này ở ngay bên cạnh Bản Tôn thừa mệnh đi lại, tùy theo việc làm đồng với bậc trên nhập vào Kim Cương Vô Thắng Định)

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Hê hê** (chủng tử hô triệu) **khẩn chỉ la tỳ tỳ** (vì sao chẳng mau chóng làm. Vì ràng buộc với nghĩa răn bảo như người xử phân vì sao chẳng mau làm việc này mà lại để chậm trễ?) **nghi-lý hận-noa, nghi-lý hận-noa** (nghĩa là ăn nuốt. Ăn các phiền não) **khur na khur na** (bốn cái chữ này quý báu y theo Kinh gia thêm) **bát lý bố la dã** (sung mãn, ấy là ràng ăn khiến cho đầy đủ Thắng Nguyệt Kim Cương Tam Muội của người hành) **tát phộc khẩn ca la noãn,sa-phộc bát-la để vĩ nhiên** (Bản Sở lập nguyện) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ HE HE KIMCIRĀYASI GRHṆA GRHṆA \_ KHĀDA KHĀDA \_ PARIPŪRAYA SARVA KIMKARĀṆA SVĀPRATIJŅĀ SVĀHĀ



**Thắng Tam Thế Kim Cương Chân Ngôn** là: (Như Lai trụ **Pháp Tràng Cao Phong Quán Tam Muội**, giáng phục chúng sinh khó điều phục trong ba cõi với ba Độc phiến não. Ở ba cõi , Trời trong Trời hóa vô lượng quyền thuộc làm Đại Thiên Chủ, hơn hẳn chư Thiên ấy gấp trăm ngàn vạn lần, nên làm sao có chúng sinh nào lại có thể vượt hơn được)

“**Năng mạn tam mạn đa phộc nhật-la noãn. Ha ha ha** (Nghĩa của Hành, nghĩa của Hỷ, là nhân hạnh của ba Thừa. Vượt qua ba Hành này tức là Phật Hạnh vậy) **vĩ sa-ma duệ** (Kỳ lạ thay! Quái lạ thay! Đức Phật dùng lòng Từ đối trị với Sân, dùng không tham trị Tham. Nay bèn dùng Đại Phần Nộ mà giáng phục Phần Nộ, dùng Đại Tham mà trừ tất cả Tham) **tát phộc đát tha nghiệt đa** (tất cả Như Lai) **vĩ sai dã** (cảnh giới) **tam bà phệ** (Sinh. Từ Cảnh Giới của Phật sinh. Cảnh Giới của Phật là thật tướng của chư Phật. Từ Thật Tướng mà sinh nên có hiệu là Giáng Tam Thế vậy) **đát-lệ** (chúng tử) **lộ chỉ-dã** (ba đời) **vĩ nhuợc dã** (giáng thẳng) **hông nhạ** (hồ triệu cảnh giác) **sa-phộc hạ**”

ॐ ममममम वज्रान्मन्त्रं कुरु कुरु विसमये सर्वे त्रैलोक्ये विजया हूं जहं स्वहं

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM \_ HA HA HA VISMAYE \_ SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE \_ TRAILOKYA-VIJAYA HŪM JAḤ \_ SVĀHĀ

**Đại Uy Đức Kim Cương Chân Ngôn** là:

“**Án** (cảnh giác tất cả Hiền Thánh trong ba cõi đều vân tập) **hột-lợi** (chúng tử) **sắt trí-lực** (tôi phục tất cả oan gia) **vĩ cật-lý đa na năng** (khủng bố) **hông**, **tát phộc thiết đốt-lôn na xả dã** (5) **tát-đam bà dã sa-đam bà dã** (cấm chỉ) **sa-phát tra sa-phát tra** (phá hoại, giáng phục, tôi hoại) **sa-phộc hạ**”

ॐ ह्रीं श्रिं विक्रतानना हूं सर्वे सत्रुं नृणां नृणां

OM HRĪḤ ṢTRI VIKṚTĀNANA HŪM \_ SARVA ŚATRŪM NĀŚAYA \_ STAMBHAYA STAMBHAYA SPHAṬ SPHAṬ SVĀHĀ

KINH ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ  
LIÊN HOA THAI TẶNG QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU NGHI QUỸ  
\_QUYỀN TRUNG (Hết)\_